

KẾT QUẢ
KIỂM TRA XÁC NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG NHẬT BẬC 4 (TƯƠNG ĐƯƠNG JLPT N3)
(Đợt 02 năm 2025, 11/05/2025)
(Ban hành theo Quyết định số 1343/MYH25/VHU/QĐ ngày 16 tháng 06 năm 2025)

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Hán tự	Ngữ pháp	Tổng			
1	VHU.TNB4.02.001	191A150115	Lê Thị	Hiệu	22/02/2001	Phú Yên	6	7	9	5.2	27.2	6.8	Đậu	
2	VHU.TNB4.02.002	181A160106	Vũ Thị Hoài	Linh	02/04/2000	Ninh Bình	7.5	9	7.6	6.8	30.9	7.7	Đậu	
3	VHU.TNB4.02.003	191A160139	Huỳnh Thị Kim	Loan	22/07/2001	Long An	3	3	5.2	4	15.2	3.8	Rớt	
4	VHU.TNB4.02.004	191A160059	Trần Thị Ngọc	Như	17/03/2001	Long An	2.5	3.5	3.8	2.4	12.2	3.1	Rớt	
5	VHU.TNB4.02.005	161A150012	Đoàn Gia	Phúc	23/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	4	5.5	7	4.8	21.3	5.3	Đậu	Bảo lưu: Đọc: 5.5; Hán tự: 7.0
6	VHU.TNB4.02.006	161A150098	Lê Ngọc	Phụng	08/02/1998	Bình Thuận	3	2.5	3.8	3.2	12.5	3.1	Rớt	
7	VHU.TNB4.02.007	191A160160	Trần Thị Phương	Thảo	06/11/2001	Hà Tĩnh	4	4.5	4	6.8	19.3	4.8	Rớt	
8	VHU.TNB4.02.008	191A160120	Vũ Thị Cẩm	Thu	05/08/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	5	7	8.6	7.2	27.8	7.0	Đậu	
9	VHU.TNB4.02.009	201A160047	Võ Thị Anh	Thư	09/11/2001	Tây Ninh	3.5	2.5	4	4	14.0	3.5	Rớt	
10	VHU.TNB4.02.010	201A160014	Lê Thị Thuý	Tiên	25/10/2002	Bến Tre	4	1.5	3.2	3.2	11.9	3.0	Rớt	

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Hán tự	Ngữ pháp	Tổng			
11	VHU.TNB4.02.011	191A150065	Trần Hoàng Mộng	Vân	08/04/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	4	2.5	4.4	2.8	13.7	3.4	Rót	
12	VHU.TNB4.02.012	191A080234	Võ Thị Như	Ý	12/10/2000	Đồng Tháp	2.5	6	9	3.6	21.1	5.3	Rót	Bảo lưu: Đọc: 6.0; Hán tự: 9.0
13	VHU.TNB4.02.013	191A160054	Trần Thị Hải	Yến	06/08/2001	Nghệ An	1.5	1.5	2.6	4.4	10.0	2.5	Rót	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 13
Số thí sinh dự kiểm tra: 13
Số thí sinh vắng kiểm tra: 0
Số thí sinh đậu: 4
Số thí sinh rút: 9

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Minh Đức